

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành bộ đơn giá công trình:  
Lập bản đồ hiện trạng mạng lưới giao thông tỉnh Lào Cai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ban hành ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số: 16/2005/NĐ - CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình;

Căn cứ định mức dự toán khảo sát xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số: 28/2005/QĐ - BXD ngày 10/8/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (Chương 11 - Công tác đo vẽ chi tiết bản đồ trên cạn - Số hoá bản đồ địa hình);

Căn cứ Đơn giá khảo sát xây dựng tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 58/2006/QĐ - UBND ngày 03/7/2006 của UBND tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Nghị định số: 205/2004/NĐ - CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu cho doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số: 118/2005/NĐ - CP ngày 15/9/2005 của Chính phủ về việc điều chỉnh mức lương tối thiểu 350.000 đồng/tháng.

Căn cứ Nghị định số: 203/2004/NĐ - CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về việc điều chỉnh mức lương tối thiểu 290.000 đồng/tháng;

Căn cứ Thông tư số: 715/2000/TTLT - TCĐC - BTC ngày 10/5/2000 của Tổng cục Địa chính và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn lập dự toán công tác đo đạc lập bản đồ.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại tờ trình số: 167/SXD - QLKT ngày 25 tháng 12 năm 2006,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này, Bộ đơn giá công trình lập bản đồ hiện trạng mạng lưới giao thông tỉnh Lào Cai.

Bộ đơn giá này là cơ sở cho các công việc: Lập kế hoạch, dự toán, tổng dự toán, xét thầu, thanh toán, quyết toán, quản lý vốn đầu tư cho dự án đầu tư công trình lập bản đồ hiện trạng mạng lưới giao thông tỉnh Lào Cai.

**Điều 2.** Giao cho Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các ngành có liên quan: Hướng dẫn việc thực hiện bộ đơn giá công trình lập bản đồ hiện trạng mạng lưới giao thông tỉnh Lào Cai, đồng thời xử lý các vướng mắc trong quá trình thực hiện (nếu có) đề xuất và báo cáo UBND tỉnh xem xét giải quyết.

**Điều 3.** Chánh văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**

**(đã ký)**

**Phạm Văn Cường**

## **PHỤ LỤC**

*Kèm theo QĐ số: 93/2006/QĐ - UBND ngày 28 tháng 12 năm 2006  
của UBND tỉnh Lào Cai*

### **I. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐƠN GIÁ CHO DỰ ÁN ĐO VẼ BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG NÔNG THÔN TỈNH LÀO CAI ĐẾN NĂM 2005:**

- Căn cứ định mức dự toán khảo sát xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số: 28/2005/QĐ - BXD ngày 10/8/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (Chương 11 - Công tác đo vẽ chi tiết bản đồ trên cạn - Số hoá bản đồ địa hình);
- Căn cứ Đơn giá khảo sát xây dựng tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số: 58/2006/QĐ - UBND ngày 03/7/2006 của UBND tỉnh Lào Cai;
- Căn cứ Nghị định số: 205/2004/NĐ - CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu cho doanh nghiệp;
  - Căn cứ Nghị định số: 118/2005/NĐ - CP ngày 15/9/2005 của Chính phủ về việc điều chỉnh mức lương tối thiểu 350.000 đồng/tháng;
  - Căn cứ Nghị định số: 203/2004/NĐ - CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về việc điều chỉnh mức lương tối thiểu 290.000 đồng/tháng;
- Căn cứ Thông tư số: 715/2000/TTLT - TCĐC - BTC ngày 10/5/2000 của Tổng cục Địa chính và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn lập dự toán công tác đo đạc lập bản đồ;

### **II. NỘI DUNG ĐƠN GIÁ CHO DỰ ÁN ĐO VẼ BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG NÔNG THÔN TỈNH LÀO CAI ĐẾN NĂM 2005:**

1. Đơn giá đo vẽ bản đồ hiện trạng mạng lưới giao thông nông thôn tỉnh Lào Cai đến năm 2005 là biểu hiện bằng tiền chi phí xã hội cần thiết để hoàn thành một đơn vị khối lượng đo vẽ bản đồ hiện trạng mạng lưới giao thông theo đúng yêu cầu kỹ thuật, quy trình, quy phạm và đảm bảo chất lượng đề ra.

2. Đơn giá đo vẽ bản đồ hiện trạng mạng lưới giao thông nông thôn tỉnh Lào Cai đến năm 2005 là những chi phí liên quan trực tiếp đến việc thực hiện công tác đo vẽ bản đồ mạng lưới giao thông gồm: Chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí sử dụng máy (thiết bị) và được xác định tại địa bàn thành phố Lào Cai.

2.1. Chi phí vật liệu: Bao gồm chi phí vật liệu chính, vật liệu phụ...

Chi phí vật liệu trong đơn giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

2.2. Chi phí nhân công: Là toàn bộ chi phí nhân công trực tiếp thực hiện công việc đo vẽ bản đồ gồm:

- Lương chính, lương phụ, phụ cấp lương.

- Một số chi phí có thể khoán trực tiếp cho người lao động.

- Chi phí nhân công (tùy theo khối lượng thực hiện tại thời điểm trước hoặc sau ngày 01/10/2005) trong đơn giá tính với mức lương tối thiểu 350.000 đồng/tháng hoặc 290.000 đồng/tháng, cấp bậc tiền lương tính theo Bảng lương A1 (Ban hành kèm theo Nghị định số: 205/2004/NĐ - CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ). Chi phí nhân công trong đơn giá bao gồm:

+ Lương cơ bản.

+ Phụ cấp lưu động: 40% lương tối thiểu.

+ Phụ cấp khu vực: 30% lương tối thiểu.

+ Lương phụ (phép, lễ, tết...) và một số khoản khoán trực tiếp cho người lao động: 16% lương cơ bản.

- Công tác đo vẽ bản đồ hiện trạng mạng lưới giao thông nông thôn tại các khu vực khác với khu vực thành phố Lào Cai thì chi phí nhân công điều chỉnh theo các hệ số sau:

+ Vùng có phụ cấp khu vực 40% được nhân với hệ số Kdcnc = 1,022.

+ Vùng có phụ cấp khu vực 50% được nhân với hệ số Kdcnc = 1,046.

+ Vùng có phụ cấp khu vực 60% được nhân với hệ số Kdcnc = 1,068.

+ Vùng có phụ cấp khu vực 70% được nhân với hệ số Kdcnc = 1,091.

2.3 - Chi phí sử dụng máy:

Bao gồm chi phí khấu hao, bảo dưỡng, sửa chữa máy và chi phí khác của máy.

### **III. QUY ĐỊNH ÁP DỤNG:**

- Đơn giá đo vẽ bản đồ hiện trạng mạng lưới giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai đến năm 2005 là căn cứ lập, xác định dự toán, thanh toán, quyết toán giá trị cho công tác đo vẽ bản đồ của dự án.

- Đơn giá này chỉ áp dụng cho Dự án đo vẽ bản đồ hiện trạng mạng lưới giao thông nông thôn tỉnh Lào Cai đến năm 2005.

- Đơn giá tính theo mức lương tối thiểu 290.000 đồng/tháng áp dụng với những khối lượng công việc tính từ ngày 01/10/2005 trở về trước.

### **IV. TỔNG DỰ TOÁN:**

- Dự toán chi phí lập bản đồ mạng lưới giao thông nông thôn tỉnh Lào Cai đến năm 2005 được tổng hợp như sau:

<b>TT</b>	<b>Khoản mục chi phí</b>	<b>Cách tính</b>	<b>Kết quả</b>
<b>A</b>	<b>Chi phí theo đơn giá:</b>		
<b>I/</b>	<b>Chi phí trực tiếp:</b>	<b>(NC + VL + M)</b>	<b>T</b>
1.	Chi phí nhân công.	(Khối lượng từng loại sản phẩm x Đơn giá nhân công của sản phẩm đó)	NC
2.	Chi phí vật liệu.	(Khối lượng từng loại sản phẩm x Đơn giá vật liệu của sản phẩm đó)	VL
3.	Chi phí sử dụng máy	(Khối lượng từng loại sản phẩm x Đơn giá sử dụng máy của sản phẩm đó)	M
<b>II/</b>	<b>Chi phí chung:</b>		<b>P</b>
	- Ngoại nghiệp.	28% x T	
	- Nội nghiệp bản đồ gốc.	22% x T	
	- Biên vẽ, chế bản và in.	25% x T	
	Thu nhập chịu thuế tính trước:	6% (P + T)	C
	Giá trị dự toán trước thuế:	(T + P + C)	TT
	Thuế VAT:	10% TT	VAT
	Giá trị dự toán sau thuế:	TT + VAT	G
<b>B</b>	<b>Chi phí khác:</b>	<b>(b1 + b2 + b3)</b>	<b>B</b>
1.	Chi phí KSTK, lập luận chứng.		b1
	- Luận chứng dưới 1 tỷ đồng.		
	+ Ngoại nghiệp.	8% x T	
	+ Nội nghiệp.	4% x T	
	+ Biên vẽ, chế bản và in.	5% x T	
2.	Chi phí kiểm tra nghiệm thu.	3% x (T + P) ngoại nghiệp 2% x (T + P) nội nghiệp	b2
3.	Chi phí ăn giữa ca (ngoại nghiệp).	Theo chế độ	b3
<b>C</b>	<b>Chi phí in ăn bản đồ.</b>		<b>D</b>
	Tổng giá trị dự toán:	(G + B + D)	

### CHI TIẾT ĐƠN GIÁ

Thành phần công việc của công tác lập bản đồ gồm:

1. Thu thập tài liệu trên cơ sở bản đồ hiện trạng năm 2004 đã có đường giao thông quốc lộ, tỉnh lộ.
2. Số hoá bản đồ.
3. Chi phí đi đường để định vị GPS và một số công việc ngoại nghiệp (riêng chi phí đi bộ chỉ áp dụng cho công tác phục vụ đo vẽ các tuyến đường chuẩn bị mở mới).
4. Chi phí định vị một điểm GPS. Chỉ xây dựng bổ sung đường giao thông từ huyện đến xã, đường liên xã, đường liên thôn.
5. Chi phí nội nghiệp.
6. Chi phí in ăn bản đồ.

#### 1. Công tác số hoá bản đồ:

Áp dụng đơn giá khảo sát xây dựng tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số: 58/2006/QĐ - UBND ngày 03/7/2006 (Công tác số hoá bản đồ - Bản đồ tỷ lệ 1/10.000 đường đồng mức 5 m - Mã hiệu CM.07803).

Vì lập bản đồ tỷ lệ 1/10.000 đường đồng mức 20 m nên tính bằng 1/4 đơn giá của công tác theo mã hiệu định mức nói trên.

Thành phần công việc chỉ tính bằng 30% thành phần công việc của số hoá bản đồ địa hình theo Đơn giá khảo sát xây dựng tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số: 58/2006/QĐ - UBND ngày 03/7/2006, chỉ thực hiện mức số hoá bản đồ địa hình cụ thể như sau:

- Chuẩn bị: Nhận vật tư, tài liệu (bản đồ màu, phim dương, lý lịch và các tài liệu liên quan khác). Chuẩn bị hệ thống tin học (máy, dụng cụ setup phần mềm, sao chép các tệp chuẩn...). Chuẩn bị cơ sở toán học.

- Quét tài liệu: Chuẩn bị tài liệu, kiểm tra bản đồ (hoặc phim dương...), về độ sạch, rõ nét, các mốc để nắn (điểm mốc khung, lưới km, điểm toạ độ và bổ sung các điểm mốc để nắn nếu thiếu trên bản đồ gốc so với quy định). Quét tài liệu, kiểm tra chất lượng file ảnh quét.

- Nắn file ảnh: Nắn ảnh theo khung trong bản đồ, lưới km, điểm toạ độ (tam giác). Lưu file ảnh (để phục vụ cho bước số hoá và các bước KTNT sau này).

- Chuyển đổi bản đồ hệ HN - 72 sang hệ VN - 2000.

Chuẩn bị: Lựa chọn, tính chuyển toạ độ các điểm dùng chuyển đổi và đưa vào tệp tin cơ sở của tờ bản đồ mới. Làm lâm kỹ thuật hướng dẫn biên tập.

Nắn chuyển theo các điểm chuyển đổi. Nắn ảnh theo cơ sở toán học đã chuyển đổi.

Biên tập: Biên tập lại nội dung bản đồ theo mảnh mới (các yếu tố và nội dung trong và ngoài khung, nội dung tại phần ghép giữa các mảnh).

- Số hoá nội dung bản đồ: Số hoá các yếu tố nội dung bản đồ và làm sạch dữ liệu theo các lớp đối tượng. Kiểm tra trên máy các bước số hoá nội dung bản đồ theo lớp đã quy định và kiểm tra tiếp biên. Kiểm tra bản đồ giấy in phun. Sửa chữa sau kiểm tra.

- Biên tập nội dung bản đồ (biên tập để lưu dưới dạng bản đồ số): Định nghĩa đối tượng, gắn thuộc tính, tạo topology, tô màu nền, biên tập ký hiệu, chú giải. Trình bày khung và tiếp biên.

- In bản đồ trên giấy (1 bản làm lâm biên tập, 1 bản để kiểm tra và 1 bản để giao nộp).

- Ghi bản đồ trên máy vi tính và quyển lý lịch.

- Ghi bản đồ vào đĩa CD. Kiểm tra dữ liệu trên đĩa CD.

- Giao nộp sản phẩm: hoàn thiện thành quả. Phục vụ KTNT, giao nộp sản phẩm.

1.1. Đơn giá tính với mức lương tối thiểu 290.000 đồng/tháng.

Đơn vị tính: đồng/10 ha.

Danh mục đơn giá	Đ.vị	VL	NC	M	Tổng cộng
Số hoá bản đồ	10 ha	14,78	3.012	17,93	3.044,71

1.2/ Đơn giá tính với mức lương tối thiểu 350.000 đồng/tháng.

Đơn vị tính: Đồng/10ha

Danh mục đơn giá	Đ.vị	VL	NC	M	Tổng cộng
Số hoá bản đồ	10 ha	14,78	3.629	18,6	3.662,48

## 2. Công tác định vị GPS:

Thành phần công việc:

- Nhận nhiệm vụ.

- Chuẩn bị máy và các tài liệu như hồ sơ, sổ sách ghi chép; chọn điểm định vị, căn chỉnh máy và xác định toạ độ.

- Ghi chép và nhập vào máy tính.

2.1/ Đơn giá tính với mức lương tối thiểu 290.000 đồng/tháng.

Đơn vị tính: Đồng/1 điểm.

Danh mục đơn giá	Đ.vị	VL	NC	M	Tổng cộng
Định vị GPS	1 điểm		1.340	367	1.707

2.2/ Đơn giá tính với mức lương tối thiểu 350.000 đ/tháng.

Đơn vị tính: Đồng/1 điểm.

Danh mục đơn giá	Đ.vị	VL	NC	M	Tổng cộng
Định vị GPS	1 điểm		1.617	367	1.984

## 3. Công tác đi đường để định vị GPS bằng xe máy:

3.1/ Đơn giá tính với mức lương tối thiểu 290.000 đồng/tháng.

Đơn vị tính: 1 nhóm (3 người)/1 km.

Danh mục đơn giá	Đ.vị	VL	NC	M	Tổng cộng
Đi bằng xe máy đối với	1 km		402	221	623

	đường quốc lộ, tỉnh lộ.				
2.	Đi bằng xe máy đối với đường huyện lộ.	1km		459	252
3.	Đi bằng xe máy đối với đường liên xã.	1km		643	353

3.2/ Đơn giá tính với mức lương tối thiểu 350.000 đồng/tháng.

Đơn vị tính: 1 nhóm (3 người)/1 km.

	<b>Danh mục đơn giá</b>	<b>Đ.vị</b>	<b>VL</b>	<b>NC</b>	<b>M</b>	<b>Tổng cộng</b>
1.	Đi bằng xe máy đối với đường quốc lộ, tỉnh lộ.	1 km		485	360	845
2.	Đi bằng xe máy đối với đường huyện lộ.	1km		554	411	965
3.	Đi bằng xe máy đối với đường liên xã.	1km		776	575	1.351

#### 4. Công tác đi bộ để định vị GPS:

Đi bộ chỉ áp dụng cho công tác phục vụ đo vẽ các tuyến đường chuẩn bị mở mới.

4.1/ Đơn giá tính với mức lương tối thiểu 290.000 đồng/tháng.

Đơn vị tính: 1 nhóm (3 người)/1 km.

	<b>Danh mục đơn giá</b>	<b>Đ.vị</b>	<b>VL</b>	<b>NC</b>	<b>M</b>	<b>Tổng cộng</b>
	Đi bộ	km		32.153		32.153

4.1/ Đơn giá tính với mức lương tối thiểu 350.000 đồng/tháng.

Đơn vị tính: 1 nhóm (3 người)/1 km.

	<b>Danh mục đơn giá</b>	<b>Đ.vị</b>	<b>VL</b>	<b>NC</b>	<b>M</b>	<b>Tổng cộng</b>
	Đi bộ	km		38.806		38.806

5. Ca máy tính dùng cho công tác ngoại nghiệp: 15.000 đồng/ca.

6. Chi phí in ấn bản đồ giấy A0: 27.000 đồng/bản.